

			- Xăng các loại:	
2710	00	11	- - Xăng máy bay	15
2710	00	12	- - Xăng dung môi	10
2710	00	19	- - Xăng loại khác	50
2710	00	20	- Diesel	15
2710	00	30	- Madut	0
2710	00	40	- Nhiên liệu dùng cho máy bay (TC1, ZA1...)	25
2710	00	50	- Dầu hỏa thông dụng	10
2710	00	60	- Naptha, Reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng	50
2710	00	70	- Condensate và các chế phẩm tương tự	25
2710	00	90	- Loại khác	10

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai hàng nhập khẩu đã nộp cho cơ quan hải quan từ ngày 12 tháng 10 năm 2001. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH

QUYẾT ĐỊNH số 107/2001/QĐ-BTC
ngày 18/10/2001 về việc sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất của mặt hàng thuộc nhóm 2710 trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ khung thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu theo Danh mục Nhóm hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-UBTVQH10 ngày 10/10/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa X;

Căn cứ Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 quy định tại Quyết định số 105/2001/QĐ-BTC ngày 10/10/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới như sau:

Mã số		Mô tả nhóm, mặt hàng	Thuế suất (%)
Nhóm	Phân nhóm		
2710		Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng chất chứa bi-tum, trừ dạng thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác có tỷ trọng dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng chất chứa bi-tum chiếm từ 70% trở lên, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó.	

			- Xăng các loại:	
2710	00	11	- - Xăng máy bay	15
2710	00	12	- - Xăng dung môi	10
2710	00	19	- - Xăng loại khác	60
2710	00	20	- Diesel	20
2710	00	30	- Madut	0
2710	00	40	- Nhiên liệu dùng cho máy bay (TC1, ZA1...)	25
2710	00	50	- Dầu hỏa thông dụng	15
2710	00	60	- Naptha, Reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng	60
2710	00	70	- Condensate và các chế phẩm tương tự	35
2710	00	90	- Loại khác	10

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai hàng nhập khẩu đã nộp cho cơ quan hải quan từ ngày 22 tháng 10 năm 2001. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ./.

Bộ trưởng Bộ Tài chính

NGUYỄN SINH HÙNG

THÔNG TƯ số 86/2001/TT-BTC ngày 29/10/2001 hướng dẫn hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với thuốc lá điếu xuất khẩu.

Căn cứ vào quy định tại Điều 3, 4, 12 Nghị định số 84/1998/NĐ-CP ngày 12/10/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;

Để thực hiện việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá điếu xuất khẩu tại Công văn số 651/CP-KTTH ngày 23/7/2001 của Chính phủ;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt như sau:

1. Đối tượng và điều kiện hoàn thuế.

Các cơ sở kinh doanh thành lập theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh gọi tắt là cơ sở kinh doanh (kể cả các doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty trước đây) đã đăng ký thuế, có giấy phép kinh doanh thuốc lá điếu đã trực tiếp xuất khẩu thuốc lá điếu nhãn hiệu bản quyền nước ngoài sản xuất tại Việt Nam là đối tượng được hoàn lại thuế tiêu thụ đặc biệt.

Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoàn lại cho cơ sở xuất khẩu thuốc lá điếu được xác định là số thuế tiêu thụ đặc biệt đã thu ở khâu sản xuất thuốc lá điếu do cơ sở xuất khẩu mua trực tiếp từ chi nhánh thuốc lá nước ngoài tại Việt Nam hoặc từ các cơ sở là nhà phân phối có hợp đồng mua trực tiếp thuốc lá điếu của chi nhánh thuốc lá nước ngoài tại Việt Nam.

Cơ sở xuất khẩu thuốc lá điếu phải đăng ký với cơ quan thuế địa phương về loại thuốc lá điếu (tên nhãn hiệu thuốc lá) xuất khẩu, tên cơ sở bán thuốc lá cho cơ sở để xuất khẩu, có đầy đủ hồ sơ chứng từ xác định về thuốc lá xuất khẩu theo quy định tại điểm 3 dưới đây.

2. Xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt được hoàn.

Số thuế tiêu thụ đặc biệt được xét hoàn theo số lượng thuốc lá thực tế xuất khẩu từng quý.

Số thuế tiêu thụ đặc biệt được hoàn	=	Số lượng thuốc lá điếu thực xuất khẩu	x	Mức thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu sản xuất
-------------------------------------	---	---------------------------------------	---	---------------------------------------------------

Mức thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu sản xuất do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) xác định theo số kê khai nộp tại khâu sản xuất.

3. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt.

Các cơ sở xuất khẩu thuốc lá nhãn hiệu bản quyền nước ngoài sản xuất tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt gửi văn bản đề nghị hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt cho Cục